

Số: /TB-UBND

Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai Danh mục Thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Phòng Văn hóa - Xã hội**

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của Phó chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

UBND xã thực hiện niêm yết công khai thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Phòng Văn hóa - Xã hội, gồm 09 lĩnh vực, 37 TTHC. Cụ thể:

- Lĩnh vực dân tộc, gồm 01 TTHC;
- Lĩnh vực giáo dục Trung học, gồm 10 TTHC;
- Lĩnh vực giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, gồm 10 TTHC;
- Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục, gồm 03 TTHC;
- Lĩnh vực tuyển sinh, gồm 01 TTHC;
- Lĩnh vực giáo dục mầm non, gồm 06 TTHC;
- Lĩnh vực việc làm, gồm 02 TTHC;
- Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, gồm 02 TTHC;
- Lĩnh vực văn bằng chứng chỉ, gồm 02 TTHC.

(Có phụ lục kèm theo)

Chi tiết Danh mục Thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử xã Chí Minh tại địa chỉ: chiminh.haiphong.gov.vn.

Vậy, UBND xã thông báo để các tổ chức, cá nhân biết và theo dõi./.

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND, ngày tháng năm 2025)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC
I	Lĩnh vực dân tộc	
1	Công nhận người có uy tín	1.012222.H24
II	Lĩnh vực giáo dục Trung học	
1	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	2.001904.000.00.00.H24
2	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1.005108.000.00.00.H24
3	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	2.002481.000.00.00.H24
4	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	2.002483.000.00.00.H24
5	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	2.002482.000.00.00.H24
6	Tuyển sinh trung học cơ sở	3.000182.000.00.00.H24
7	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.012965.H24
8	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.012967.H24
9	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1.012968.H24
10	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1.012964.H24
III	Lĩnh vực giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
1	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1.000288.000.00.00.H24
2	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1.000280.000.00.00.H24
3	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714.000.00.00.H24

4	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.000.00.00.H24
5	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.005143.000.00.00.H24
6	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702.000.00.00.H24
7	Xét, cấp học bổng chính sách	1.002407.000.00.00.H24
8	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1.000691.000.00.00.H24
9	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951.000.00.00.H24
10	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950.000.00.00.H24
IV	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục	
1	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000713.000.00.00.H24
2	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000715.000.00.00.H24
3	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1.000711.000.00.00.H24
V	Lĩnh vực tuyển sinh	
1	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005090.000.00.00.H24
VI	Lĩnh vực giáo dục mầm non	
1	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.006445.000.00.00.H24
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1.006390.000.00.00.H24
3	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1.006444.000.00.00.H24
4	Tuyển sinh trung học cơ sở	1.011978
5	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.012962.H24
6	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1.012961.H24

VII	Lĩnh vực việc làm	
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	1.013725.H24
2	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	1.013724.H24
VIII	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2.001960.000.00.00.H24
2	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	2.002284.000.00.00.H24
IX	Lĩnh vực văn bằng chứng chỉ	
1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	3.000467.H24
2	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	3.000468.H24